TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-DS ngày 12/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 14/01/1997, số CCCD: 040197007xxx; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Chị Vương Thị Lan P, sinh năm 1992, số CCCD: 030192006xxx; địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Khải N, sinh ngày 29/12/1994, số CCCD: 030094003xxx; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số xxx, phố C, phường D, thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Khải N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2017 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường D, thành phố Hải Phòng).

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến lối sống, suy nghĩ. Sau đó, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chị và anh N đều đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Vì xa mặt cách lòng và không hợp tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng về quan điểm, cách nhìn nhận cuộc sống. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần cố gắng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Vũ Khải L, sinh ngày 02/07/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị đã về nước, đi làm công ty và tự mình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Vũ Khải N là bà Tăng Thị G (mẹ đẻ của anh N); địa chỉ: số nhà xxx, ngõ xxx, phố TL, phường TH, thành phố Hải Phòng.

Bà Tăng Thị G cung cấp: Chị Bùi Thị T trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị T và anh N là đúng. Sau khi kết hôn, chị T về sinh sống cùng gia đình bà một thời gian, sau đó chị T về nhà mẹ đẻ ở Nghệ An sống và muốn anh N về sống cùng nhưng anh N không đồng ý, do đó vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến năm 2019, bà làm giấy tờ cho chị T và anh N đi lao động tại Đài Loan, mỗi người làm một công ty nên không sống cùng, không quan tâm hỏi han lẫn nhau. Năm 2021, chị T có lần nói đến việc ly hôn anh N, thời gian đó anh N cũng gửi đơn xin ly hôn về cho chị T nhưng chị T lại không nộp đơn. Hiện nay, anh N đang lao động tại Đài Loan, thường liên lạc về gia đình qua mạng xã hội, anh N biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa chị T và anh. Do không về Tòa án làm việc được, anh N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giao các văn bản của Toà án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh N biết. Bà G nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, đã thông báo cho anh N biết, hiện anh N không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh N, chị T có 01 con chung là cháu Vũ Khải L, sinh ngày 02/07/2018, hiện nay cháu L đang sống cùng ông bà ngoại tại Nghệ An. Anh N hiện đang lao động tại Đài Loan không trực tiếp nuôi con, đồng ý giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung.

UBND phường D, thành phố Hải Phòng và đại diện tổ dân phố số 28 cung cấp: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Khải N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/4/2017 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường D, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, chị T và anh N sinh sống tại địa phương, sau đó đi lao động tại nước ngoài. Hiện nay, chị T về nước nhưng không về sinh sống cùng gia đình anh N, còn anh N vẫn lao động tại Đài Loan. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh N thì đề nghị Tòa án xác minh thông qua gia đình anh N. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Vũ Khải L, sinh ngày 02/07/2018, cháu L đang sinh sống cùng chị T.

Tại Công văn số 23765/QLXNC-P3 ngày 19/11/2025, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Anh Vũ Khải N đã xuất cảnh ngày 17/8/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Vũ Khải N. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Khải L, sinh ngày 02/7/2018 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vũ Khải N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Khải N, sinh ngày 29/12/1994; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số 1/33, phố C, phường D, thành phố Hải Phòng; hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N biết. Nguyên đơn chị T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về giao nhận văn bản tố tụng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Khải N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/4/2017 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường D, thành phố Hải Phòng) nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị T, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của bà G (là mẹ đẻ của anh N) có căn cứ xác định vợ chồng chị T và anh N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2019, chị T và anh N cùng đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống; hiện nay chị T đã về nước để nuôi con, anh N vẫn sinh

sống tại Đài Loan. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N đã được bà G thông báo về việc chị T xin ly hôn, anh N có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Thực tế vào năm 2021, chị T có nguyện vọng xin ly hôn, anh N nhất trí và cũng gửi đơn xin ly hôn về cho chị T làm thủ tục tuy nhiên chị T không nộp đơn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh N có một con chung là Vũ Khải Đăng, sinh ngày 02/07/2018. Chị T đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thông qua gia đình, anh N có quan điểm anh đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy anh N không có mặt tại Việt Nam nên không trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; trong khi đó, chị T đã về nước, đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L. Để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của cháu, cần giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định

phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Vũ Khải N.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Khải L, sinh ngày 02/7/2018 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vũ Khải N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0005822 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Khải N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường D, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2017 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh